

NHÌN LẠI QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI CỦA CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA TỪ NĂM 1949 ĐẾN NAY

TS. NGUYỄN XUÂN CƯỜNG
Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Quan hệ đối ngoại của Trung Quốc từ khi nước CHND Trung Hoa ra đời tới nay có thể nhìn nhận qua các giai đoạn chính bao gồm: giai đoạn năm 1949-1978, giai đoạn từ năm 1979 tới năm 2012. Trung Quốc đã nhiều lần điều chỉnh chính sách đối ngoại, song lợi ích quốc gia, dân tộc luôn là trọng tâm của quan hệ đối ngoại của CHND Trung Hoa hơn 60 năm qua. Chính trị đối nội và đối ngoại luôn có sự chuyển hóa và gắn kết chặt chẽ, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp chấn hưng Trung Hoa.

1. Quan hệ đối ngoại của Trung Quốc từ năm 1949-1978

Những năm 1949-1952, Trung Quốc bắt tay vào khôi phục kinh tế, xây dựng chính quyền mới, ổn định đời sống nhân dân sau chiến tranh. “Cương lĩnh chung” có vai trò như bản Hiến pháp lâm thời

của CHND Trung Hoa, định rõ thể chế chính trị, kinh tế và đường lối ngoại giao của Trung Quốc. Những năm 1949-1956, nhờ sự nỗ lực của nhân dân Trung Quốc và sự giúp đỡ to lớn của Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên Xô, Trung Quốc đã hoàn thành thắng lợi công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo XHCN và nhanh chóng bước vào xây dựng CNXH.

Sau chiến tranh thế giới lần II, cục diện thế giới diễn ra nhiều biến chuyển sâu sắc, phong trào XHCN phát triển mạnh mẽ, nhiều nước XHCN mới ra đời với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Cục diện hai phe XHCN và TBCN đứng đầu là hai siêu cường Liên Xô và Mỹ dần hình thành. Trung Quốc thực hiện chính sách “nhất biên đảo” (ngiên hướng về Liên Xô và các nước XHCN). Châu Á cũng diễn ra nhiều biến chuyển sâu sắc. Năm 1950-1953, nổ ra chiến tranh Triều

Tiên. Hai bờ eo biển Đài Loan căng thẳng. Tại Đông Dương, Pháp dốc nỗ lực cuối cùng cho tham vọng thực dân và năm 1954 đã thất bại tại Điện Biên Phủ. Chủ nghĩa thực dân cũ dần chuyển sang chủ nghĩa thực dân mới, đế quốc Mỹ can thiệp sâu rộng vào Việt Nam.

Trên bình diện thế giới, chiến tranh lạnh lan rộng và cuộc đối đầu Xô-Mỹ ngày càng gay gắt. Trong quá trình cách mạng dân chủ (1921-1949), Đảng Cộng sản Trung Quốc đã dựa vào giúp đỡ của Liên Xô, Quốc tế Cộng sản, nhưng đồng thời cũng hợp tác với Mỹ (trong kháng chiến chống Nhật 1937-1945). Song khi nội chiến lần thứ ba giữa ĐCS và Quốc dân đảng bùng nổ (1946-1949) Mỹ đã đứng về phía Quốc dân đảng và Tưởng Giới Thạch. Sau khi CHND Trung Hoa ra đời, Mỹ đã thi hành chính sách cô lập ngoại giao, cấm vận kinh tế, uy hiếp quân sự đối với CHND Trung Hoa. Trong bối cảnh đó, Trung Quốc tuyên bố “nhất biên đảo” (ngả về một bên), tức là đứng về phía Liên Xô, đứng về phía các nước XHCN “do Liên Xô lãnh đạo”, chủ trương chống đế quốc và chủ nghĩa thực dân, chống các thế lực phản động do Mỹ “cầm đầu”.

Ngay sau ngày nước CHND Trung Hoa ra đời, ngày 2-10-1949, Trung Quốc và Liên Xô đã thiết lập quan hệ ngoại giao. Bối cảnh lịch sử khi đó cho thấy, Trung Quốc ngả về phía Liên Xô là lẽ đương nhiên. Tiếp sau đó, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với một số nước láng giềng và các nước XHCN.

Ngày 18-1-1950, Trung Quốc đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thực ra, quan hệ giữa ĐCS Trung Quốc và ĐCS Việt Nam đã được kết nối từ quá trình đấu tranh cách mạng trước đó rất lâu. Để giúp đỡ Việt Nam kháng chiến chống Pháp đồng thời tạo hành lang an ninh phía Nam Trung Quốc, Trung Quốc đã có sự giúp đỡ tận tình, to lớn và có hiệu quả đối với Việt Nam.

Có thể thấy, thập niên đầu sau khi thành lập nước CHND Trung Hoa là thời kỳ tốt đẹp nhất của quan hệ giữa Trung Quốc và Liên Xô. Sự lựa chọn “ngả về một bên” phía Liên Xô và phe XHCN là sự lựa chọn đúng đắn của Trung Quốc, giúp cho Trung Quốc tranh thủ được viện trợ quốc tế, giữ vững được chính quyền mới, khôi phục kinh tế và phát triển đất nước. Về cơ bản, ngoại giao Trung Quốc những năm 1949-1959 gắn liền với ngoại giao của các nước XHCN, chống chủ nghĩa đế quốc thực dân, ủng hộ phong trào cách mạng và độc lập dân tộc của các nước. Giai đoạn này lợi ích quốc gia và dân tộc của Trung Quốc gắn với phong trào XHCN.

Cuối thập kỷ 50 đầu thập kỷ 60 thế kỷ XX, mâu thuẫn Trung-Xô cũng phát sinh, quan hệ rạn nứt nghiêm trọng. Năm 1962, xung đột biên giới Trung-Ấn cũng phát sinh, tuy nhiên quan hệ Trung Quốc-Pakistan lại rất thân thiện. Thập kỷ 1960, Trung Quốc cũng phản đối Mỹ, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chống Mỹ của nhân dân Việt Nam.

Tháng 4-1956, Mao Trạch Đông phát biểu “*Bàn về mười quan hệ lớn*”⁽¹⁾ trong xây dựng xã hội XHCN ở Trung Quốc (bàn về quan hệ giữa công nghiệp-nông nghiệp, xây dựng kinh tế và quốc phòng... quan hệ giữa Trung Quốc với các nước...) Trước sự xấu đi của quan hệ Trung - Xô, Mao Trạch Đông chỉ rõ: “Nếu trong vòng mười mấy năm từ nay về sau, không tranh thủ triệt để thay đổi tình trạng kinh tế và kỹ thuật lạc hậu rất xa của Trung Quốc so với các nước đế quốc, việc bị tấn công là không thể tránh khỏi. Chúng ta nên lấy việc có thể bị tấn công làm xuất phát điểm để bố trí công tác, nỗ lực trong thời gian không dài làm thay đổi tình trạng lạc hậu về kinh tế, kỹ thuật của Trung Quốc, nếu không chúng ta sẽ phạm sai lầm.”⁽²⁾ Thuyết “thế giới thứ ba” của Mao Trạch Đông ra đời, chủ trương “thế giới thứ ba” (các nước Á, Phi, Mỹ La tinh) tranh thủ sự liên kết với thế giới thứ hai (Nhật bản, các nước tư bản châu Âu, Canada), tập trung đánh đổ “thế giới thứ nhất” (Mỹ và Liên Xô)⁽³⁾.

Như vậy, những năm 1960, Trung Quốc thực hiện chiến lược ngoại giao “hai quả dấm”⁽⁴⁾tức “vừa chống Liên Xô, vừa chống Mỹ”. Chiến lược ngoại giao này là nhận thức không linh táo, cũng không đạt được mục đích chiến lược, làm cho Trung Quốc rơi vào tình thế bị cô lập, an ninh của Trung Quốc bị đe dọa⁽⁵⁾.

Câu nói hình ảnh của Mao Trạch Đông “*tọa sơn quan hổ đấu*” (ngồi trên núi xem hổ đánh nhau) thể hiện tính thực dụng, nhằm lợi dụng cơ hội phát

triển quan hệ với các DCS và công nhân các nước đang phát triển. Trong thời gian này, Trung Quốc đã gây chiến tranh biên giới với Ấn Độ (1962). Đây không chỉ là cuộc tranh giành chủ quyền ở khu vực biên giới mà còn là một sự cạnh tranh ảnh hưởng với các nước đang phát triển mà hai nước đều là những nước lớn đang phát triển. Ngoài ra, Trung Quốc còn tích cực ủng hộ các tổ chức Đảng trong cộng đồng người Hoa và Hoa kiều trên thế giới, trong đó chủ yếu ở Đông Nam Á. Điều này một mặt DCS Trung Quốc lợi dụng các tổ chức được gọi là Mao-ít này để gây sức ép với chính quyền các nước sở tại; mặt khác tranh giành ảnh hưởng với DCS Liên Xô đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Thập kỷ 70 thế kỷ XX, Trung Quốc chuyển đường lối đối ngoại sang hoà hoãn và tiến tới liên kết với Mỹ chống Liên Xô. Đầu năm 1972, Tổng thống Mỹ Nixon thăm Trung Quốc, cùng Chu Ân Lai ký “*Thông cáo Thượng Hải*”. Trung Quốc nêu ra một số nước cùng vĩ tuyến với Trung Quốc như Mỹ, Nhật, Pakistan, châu Âu...trở thành “*một tuyến*” cùng với “*khôi lớn*” bao gồm các nước Á Phi để chống lại Liên Xô (nhất điều tuyến, nhất đại phiến). Một thắng lợi về ngoại giao của Trung Quốc thời gian này là CHND Trung Hoa chính thức trở thành thành viên của Liên hợp quốc, là một trong năm uỷ viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Năm 1979, Trung Quốc và Mỹ chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Năm 1979, Trung Quốc phát động chiến

tranh xâm lược Việt Nam, cải thiện quan hệ với Mỹ, Nhật Bản và châu Âu.

Từ thập kỷ 70 thế kỷ XX, châu Á chứng kiến sự hưng thịnh kinh tế của Nhật Bản, sự ra đời của các "con rồng" công nghiệp hoá mới như Hàn Quốc, Singapo, Hồng Kông, Đài Loan (NIEs). Nhật Bản trở thành nước công nghiệp hàng đầu ở châu Á, còn các nước Đông Nam Á cũng thay đổi con đường phát triển, chuyển từ chiến lược thay thế nhập khẩu sang chiến lược công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu. Công nghiệp hoá ở các nước châu Á đi đến thành công đều chú ý phát triển nông nghiệp. Tất cả những con đường phát triển của các nước và lãnh thổ xung quanh đã có tác động mạnh mẽ đến Trung Quốc.

Từ khi thành lập nước CHND Trung Hoa tới cuối thập kỷ 1970, đối ngoại của Trung Quốc diễn ra trong bối cảnh chiến tranh lạnh, sự đối đầu gay gắt về ý thức hệ, mang đậm tư tưởng Mao Trạch Đông trong những năm 50 tới đầu những năm 70 thế kỷ XX.

2. Quan hệ đối ngoại của Trung Quốc từ năm 1979-2009

Hội nghị Trung ương 3 khoá XI (năm 1978) đã nhất trí chuyển trọng tâm công tác và sự quan tâm của Trung Quốc vào sự nghiệp xây dựng hiện đại hoá XHCN, chuyển từ "lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh" sang "lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm". Hội nghị TW3 khoá XI đã mở ra một giai đoạn mới ở Trung Quốc, thực hiện cải cách mở cửa, chính

sách đối ngoại "hòa bình, độc lập tự chủ". Đặng Tiểu Bình cho rằng chủ đề của thời đại là "hòa bình và phát triển", Trung Quốc tập trung vào "Đại phục hưng dân tộc Trung Hoa".

Đại hội XII ĐCS Trung Quốc (năm 1982) đã đưa ra chủ trương: "Kiên trì chính sách đối ngoại độc lập tự chủ"⁽⁷⁾ (không dựa vào Liên Xô để chống Mỹ, cũng không dựa vào Mỹ để chống Liên Xô). Trong những năm 1980, quan hệ giữa Trung Quốc và Liên Xô từng bước được cải thiện, tiến tới bình thường hóa vào năm 1989.

Đặng Tiểu Bình nhận định về tình hình thế giới đã cho rằng, thế giới đã xuất hiện xu thế hòa hoãn, Trung Quốc tập trung phát triển kinh tế để hiện đại hóa, cần phải và có thể tranh thủ môi trường thế giới hòa bình, ổn định. Chủ trương trước đây của Mao Trạch Đông khi "ngả về" Liên Xô chống Mỹ, vừa chống Liên Xô vừa chống Mỹ hay "liên kết" với Mỹ chống Liên Xô đều dẫn tới hậu quả không có lợi cho Trung Quốc. Chính vì vậy, Trung Quốc muốn thực hiện chính sách ngoại giao "độc lập tự chủ", không liên kết với nước lớn và cũng không muốn bị nước khác đè nén. Trung Quốc là một cực của thế giới đa cực. Điều này thể hiện sự nhìn nhận xu thế thời cuộc và vị trí của Trung Quốc trong xu thế quan hệ quốc tế mới của các nhà lãnh đạo thế hệ thứ hai của Trung Quốc, tiêu biểu là Đặng Tiểu Bình.

Đầu thập kỷ 90 thế kỷ XXI, Liên Xô giải thể, các ĐCS ở Đông Âu mất vai trò

lãnh đạo. Thế giới bước vào thời kỳ sau chiến tranh lạnh. Mỹ và phương Tây chuyển trọng tâm chiến lược an ninh sang châu Á với hy vọng “Trung Quốc cộng sản” sẽ lao theo vết xe đổ của “Nga Xô”. Phong trào XHCN trên thế giới rơi vào thoái trào. Trong khi đó, Trung Quốc cũng phải đối mặt với khủng hoảng chính trị, đặc biệt là cấm vận sau sự kiện “Thiên An Môn” mùa hè năm 1989. Trước tình hình mới đó, Đặng Tiểu Bình đưa ra chủ trương “không đối đầu, không đi đầu” chống Mỹ và phương Tây. Đặng Tiểu Bình nói “phải bình tĩnh quan sát, giữ vững trận địa, bình tĩnh ứng phó. Không nên nóng vội, nóng vội cũng chẳng được. Phải bình tĩnh, “cố gắng làm tốt công việc của chúng ta”⁽⁸⁾. Trung Quốc gọi phương châm đó là “đấu mình chờ thời” (thao quang dưỡng hối), thực chất là chuyển sang thế thủ về ngoại giao. Đầu thập kỷ 1990, Trung Quốc bình thường hóa quan hệ với một số nước, trong đó có bình thường hóa với Việt Nam (năm 1991). Từng bước đẩy lùi bao vây cấm vận của Mỹ và một số nước.

Từ năm 1992 đến năm 2000, Trung Quốc bước vào giai đoạn cải cách theo kinh tế thị trường. Trong bối cảnh Liên Xô sụp đổ, thế giới bước vào thời kỳ hậu chiến tranh lạnh, Trung Quốc một mặt đẩy mạnh cải cách, mặt khác tích cực và chủ động mở cửa hội nhập quốc tế, nhất là đẩy nhanh tiến trình đàm phán gia nhập WTO. Đại hội 14 ĐCS Trung Quốc (1992) chính thức nêu lên mục tiêu cải cách thể chế kinh tế là xây dựng thể chế

kinh tế thị trường XHCN; xác lập chế độ kinh tế cơ bản của Trung Quốc trong giai đoạn đầu - theo đó công hữu là chủ thể, kinh tế nhiều sở hữu cùng phát triển. Đại hội 15 (1997) đặt vấn đề quản lý đất nước bằng pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

Những năm cuối của thế kỷ XX, Trung Quốc tích cực chuẩn bị hội nhập thế giới, tìm kiếm “thế công” trong quan hệ quốc tế. Trung Quốc và Liên bang Nga đã giải quyết được “những vấn đề lịch sử để lại” và xác định mối quan hệ “đối tác hợp tác chiến lược, bình đẳng, tin cậy lẫn nhau và hướng tới thế kỷ XXI”. Đặc biệt, Trung Quốc nỗ lực cải thiện quan hệ với Mỹ và châu Âu. Kết quả là sau 13 năm đàm phán, năm 1999, Trung Quốc và Mỹ đã ký hiệp định song phương về việc gia nhập WTO của Trung Quốc. Quan hệ với EU, Nhật Bản, Ấn Độ, ASEAN được cải thiện. Vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính châu Á, Trung Quốc đã “trỗi dậy” mạnh mẽ.

Từ năm 1978 tới những năm cuối thế kỷ XX, Trung Quốc tập trung vào phát triển kinh tế, gác tranh cãi trong nước, tránh đối đầu và đi đầu trong quan hệ đối ngoại, tranh thủ thời cơ, gạt mọi trở ngại để bứt phá. Trung Quốc nhấn mạnh lợi ích phát triển, màu sắc của ý thức hệ bị phai nhạt⁽⁹⁾.

Bước sang thế kỷ XXI, tình hình thế giới và quan hệ quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp. Mở đầu là sự kiện khủng bố ngày 11-9-2001 tại Mỹ, dẫn tới sự điều chỉnh chiến lược ngoại giao và an

ninh của Mỹ và hàng loạt các nước trên thế giới. Sau đó Mỹ đã phát động chiến tranh tiến công Iraq và Apganixtan, phát huy ảnh hưởng và vị thế của Mỹ tại Trung Đông, Nam Á và Trung Á.

Thập niên đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc gia nhập WTO, tham gia toàn cầu hóa. Kinh tế Trung Quốc đã có sự "bùng nổ", tổng lượng kinh tế tới năm 2010 đã đạt 39798,2 tỷ NDT⁽¹⁰⁾ (hơn 6000 tỷ USD), vượt qua Nhật Bản, đứng thứ hai thế giới sau Mỹ.

Thế giới đứng trước thách thức bước chuyển ngặt lớn khi gặp cuộc khủng hoảng tài chính thế giới xuất phát từ Mỹ và lây lan ra toàn cầu. Tổng thống Obama lên cầm quyền đã điều chỉnh chính sách đối nội, ngoại giao và an ninh của Mỹ. Cuộc khủng hoảng tài chính lần này đã tác động mạnh mẽ và cân cân so sánh giữa các nền kinh tế trên thế giới. G7 không còn đủ sức độc diễn vai trò lãnh đạo kinh tế chính trị thế giới, buộc phải nhường lại diễn đàn cho G20, trong đó có các nền kinh tế mới nổi như Braxin, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, Nam Phi (nhóm BRICS).

Trong bối cảnh thế giới nói trên, Trung Quốc đã thực hiện chiến lược ngoại giao nước lớn, nhằm khẳng định vai trò "nước lớn, có trách nhiệm". Ngay từ Đại hội XVI (2002), Trung Quốc nhận định "hòa bình và phát triển vẫn là chủ đề thời đại ngày nay. Bảo vệ hòa bình, thúc đẩy phát triển...là trào lưu lịch sử...đa cực hóa thế giới và toàn cầu hóa

kinh tế đem lại cơ hội và điều kiện có lợi."⁽¹¹⁾. Trung Quốc có thể tranh thủ tình hình để "trỗi dậy hòa bình".

Thập niên đầu thế kỷ XXI cho thấy, quan hệ đối ngoại của Trung Quốc tập trung vào duy trì sự ổn định trong quan hệ với Mỹ để bảo đảm sự phát triển của Trung Quốc. Có thể nói, quan hệ Trung-Mỹ giai đoạn này là ưu tiên và là trục chính trong quan hệ quốc tế của Trung Quốc. Mặt khác, Trung Quốc đẩy mạnh xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với Nga, đề xướng Tổ chức hợp tác Thượng Hải (với các nước Trung Á), nâng tầm quan hệ với các nước ASEAN, đẩy mạnh quan hệ với châu Phi,.. Tuy nhiên, quan hệ giữa Trung Quốc-Nhật Bản, Trung Quốc-Ấn Độ xuất hiện những cạnh tranh chiến lược.

Thập niên đầu thế kỷ 21, Trung Quốc nổi lên là một trong những quốc gia hàng đầu thế giới về sử dụng năng lượng. Năm 2003, Trung Quốc thay thế Nhật Bản trở thành nước tiêu thụ năng lượng đứng thứ 2 thế giới. Chính sách "ngoại giao năng lượng" đã ra đời và triển khai đối với những nước và khu vực có nhiều dầu mỏ, khí đốt như Nga, các quốc gia Trung Á, Trung Đông, châu Phi, châu Mỹ La tinh.

Đại hội 17 DCS Trung Quốc (2007) nhận định "thế giới ngày nay đang biến đổi rộng lớn và sâu sắc. Trung Quốc cũng đang thay đổi sâu rộng. Cơ hội chưa từng có, thách thức chưa từng có, cơ hội lớn hơn thách thức,..sự phát

triển của Trung Quốc không thể tách rời thế giới, sự phồn vinh ổn định của thế giới cũng không thể tách rời Trung Quốc.”⁽¹²⁾

Thập niên đầu thế kỷ XXI cho thấy, Trung Quốc tích cực chủ động hội nhập quốc tế, tham gia mạnh mẽ vào toàn cầu hóa kinh tế và nhất thể hóa kinh tế khu vực. Điều này cho thấy, Trung Quốc thực hiện chính sách đối ngoại thích hợp và khôn khéo, đặc biệt là tuyên truyền về “con đường phát triển hòa bình của Trung Quốc”⁽¹³⁾. Tiếp nữa, Trung Quốc tích cực tham gia ngoại giao đa phương và các vấn đề quốc tế. Trong những năm gần đây cũng đã coi trọng “ngoại giao công chúng” (public diplomacy). Thập niên đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc tăng cường quan hệ với các nước xung quanh nhằm phát triển kinh tế đối ngoại và bảo đảm an ninh. Về phía Bắc và phía Tây, Trung Quốc tích cực tham gia Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO) có quan sát viên là Ấn Độ, Pakistan,.. Phía Đông, cạnh tranh vị thế với Nhật Bản tại Đông Á, quan hệ “kinh tế nóng, chính trị lạnh” với Nhật Bản, giữ tình hình bán đảo Triều Tiên “không chiến tranh, không hòa bình thực sự”. Đặc biệt, thập niên đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc đẩy mạnh quan hệ và phát huy ảnh hưởng tới khu vực Đông Nam Á. Trung Quốc chủ động đề xuất và tích cực thúc đẩy xây dựng Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN, tham gia các cơ chế với ASEAN như Trung Quốc-ASEAN (10+1), (10+3),

tham gia Diễn đàn an ninh khu vực ARF. Đề xuất mô hình hợp tác đa phương “một trục hai cánh” qua “hợp tác Vịnh Bắc Bộ mở rộng”, kết hợp với “hai hành lang, một vành đai” song phương với Việt Nam.

Nhìn lại lịch sử quan hệ đối ngoại Trung Quốc qua hơn 60 năm từ 1949 đến nay, có thể thấy: Điểm xuất phát và mục đích cuối cùng của quan hệ đối ngoại Trung Quốc là phục vụ cho cuộc “Đại chấn hưng dân tộc Trung Hoa”. Tuy nhiên, do tác động của tình hình trong nước và thế giới, quan hệ quốc tế, đặc biệt là chính sách đối ngoại của Trung Quốc đã trải qua nhiều lần điều chỉnh. Bước sang thế kỷ XXI, đặc biệt là qua thập niên đầu, thực lực của Trung Quốc đã lớn mạnh. Trung Quốc đã thực thi chính sách đối ngoại “ngoại giao nước lớn”. Trong những thập niên tiếp theo của thế kỷ XXI, mục tiêu chiến lược của đối ngoại Trung Quốc là tiếp tục cạnh tranh chiến lược để chiếm giữ các đỉnh cao về kinh tế, chính trị, quân sự,.. trên thế giới.

Khởi điểm mới từ năm 2010

Bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, Trung Quốc đứng trước thách thức tái cấu trúc sau khủng hoảng kinh tế thế giới, chuyển đổi phương thức phát triển. Năm 2010, Trung Quốc trở thành nước có tổng lượng kinh tế thứ 2 thế giới, Trung Quốc cũng bước vào giai đoạn phát triển mới với trọng tâm chuyển đổi phương thức phát triển.

Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đưa ra quan niệm mới về phát triển và đối ngoại. Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã đưa ra 5 chủ trương về quan niệm thời đại bao gồm: Thuyết về biến đổi sâu rộng; thuyết về thế giới hài hòa, bàn về cùng phát triển, cùng gánh trách nhiệm và tích cực tham dự⁽¹⁴⁾. Đặc biệt là chủ trương “châu Á hài hòa” “thế giới hài hòa”. Trung Quốc tích cực tham gia G20, APEC, BRICS,...

Có thể nói, trong thập niên thứ hai thế kỷ XXI, quan hệ Trung-Mỹ vẫn là ưu tiên hàng đầu trong đường lối đối ngoại của Trung Quốc. Đây cũng có thể xem là trục chính của quan hệ quốc tế trong khu vực châu Á- Thái Bình Dương và thế giới. Quan hệ Trung - Mỹ vừa là quan hệ hợp tác chủ yếu, vừa là đối thủ cạnh tranh quan trọng nhất. “Tuyên bố chung Trung-Mỹ” tháng 1-2011 cho thấy, Trung Quốc và Mỹ đang chuyển sang xu thế hòa hoãn để “khai thác lợi ích chung” trước mắt, mặc dù về lâu dài là đối thủ cạnh tranh chủ yếu. Tiếp nữa, cân cân lực lượng đã có sự thay đổi mới, Trung Quốc đã tiến thêm một bước trong quá trình tiến tới bình đẳng về vị thế với Mỹ, mặc dù hiện nay Mỹ vẫn ở vị thế siêu cường duy nhất. Đặc biệt, những năm gần đây, trọng tâm chiến lược đối ngoại và an ninh của Mỹ đã có sự chuyển dịch sang châu Á hay sự “trở lại” châu Á của Mỹ.

Trung Quốc đã thiết lập được quan hệ “đối tác chiến lược” với Nga nhằm bảo đảm cung cấp nguồn năng lượng, khoa

học công nghệ quân sự và hợp tác trong các vấn đề quốc tế. Song cả Trung Quốc và Nga đều coi trọng quan hệ với Mỹ hơn so với quan hệ song phương Trung-Nga. Trung Quốc quan hệ với Nhật Bản nhằm thúc đẩy kinh tế, thương mại, khoa học công nghệ,... tuy nhiên, hai bên cạnh tranh về chính trị, an ninh. Hợp tác Đông Á khó có tiến triển thực chất. Quan hệ giữa Trung Quốc và Ấn Độ không phải là “thù địch” nhưng cũng không là “bạn bè”. Hai bên cũng diễn ra cạnh tranh chính trị, an ninh và địa chiến lược.

Đông Nam Á là khu vực quan trọng trong quan hệ quốc tế của Trung Quốc. Trong thời gian tới, Trung Quốc sẽ tăng cường quan hệ kinh tế, thương mại với các nước ASEAN. Gần đây, Trung Quốc đưa ra vấn đề “lợi ích cốt lõi”, “đường 9 đoạn phi lý” ở Biển Đông, nhằm giành thế chủ động trong cạnh tranh vị trí địa chiến lược quốc tế.

Từ nay đến năm 2020, Trung Quốc vẫn phải tập trung cho phát triển bên trong, vì vậy vẫn cần môi trường xung quanh hòa bình, ổn định. Muốn đạt được điều đó, về mặt quan hệ quốc tế, Trung Quốc bằng mọi cách duy trì quan hệ ổn định với Mỹ, đồng thời coi đây là ưu tiên hàng đầu. Đối với các nước lớn khác như Nga, EU, Ấn Độ, Trung Quốc sẽ tích cực hợp tác và đẩy mạnh quan hệ để tiếp tục tạo thế trong duy trì quan hệ ổn định với Mỹ. Còn các nước láng giềng xung quanh, Trung Quốc một mặt dùng các biện pháp

kinh tế, chính trị.. để lôi kéo, phân hóa, mặt khác dùng các biện pháp cứng rắn như quốc phòng, an ninh.. để gây sức ép hoặc cạnh tranh ảnh hưởng.

Lời kết

Đường lối, chính sách đối ngoại của CHND Trung Hoa hơn 60 năm qua là nhằm phục vụ cho lợi ích quốc gia, dân tộc. Mục tiêu chung là biến Trung Quốc thành nước "giàu mạnh nhất thế giới" (Tôn Trung Sơn đề xướng).

Chính sách đối ngoại của CHND Trung Hoa qua các thời kỳ phụ thuộc vào nhận thức của giới lãnh đạo về bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước. Mao Trạch Đông xuất phát từ quan điểm về thời đại "chiến tranh và cách mạng" đã chủ trương dựa vào Liên Xô để chống Mỹ, rồi dựa vào "thế giới thứ ba" (Á, Phi, Mỹ La tinh) để chống cả Liên Xô và Mỹ, rồi liên kết với Mỹ chống Liên Xô. Đặng Tiểu Bình với quan điểm thời đại "hòa bình và phát triển" đã chủ trương cải cách mở cửa, hợp tác với Mỹ, ổn định môi trường trong và ngoài nước, tranh thủ thời cơ chiến lược để cơ bản hoàn thành hiện đại hóa Trung Quốc vào giữa thế kỷ XXI. Thế hệ lãnh đạo thứ tư của ĐCS Trung Quốc đại diện là Hồ Cẩm Đào đã nêu ra chủ trương "thế giới hài hòa", song đang cạnh tranh chiến lược với các nước lớn, đặc biệt là với Mỹ.

Quan hệ đối ngoại của Trung Quốc hơn 60 năm qua cho thấy, Trung Quốc luôn tìm mọi cách để giành quyền chủ

động trong quan hệ với các nước. Trung Quốc không loại trừ cách thức để đạt được lợi ích quốc gia, phát huy tối đa các nhân tố "con bài chính trị" và các mối quan hệ mâu thuẫn giữa các nước, khu vực. Đối ngoại của Trung Quốc còn thể hiện quá trình chuyển hóa mâu thuẫn nội bộ, đưa mâu thuẫn nội bộ ra bên ngoài, hoặc chuyển dịch giữa trong nước và quốc tế.

Hoạt động đối ngoại của CHND Trung Hoa hơn 60 năm qua có tác động tích cực và tiêu cực trong quan hệ quốc tế. Trong trường hợp lợi ích quốc gia dân tộc phù hợp với lợi ích quốc tế, khu vực và lợi ích các nước khác thì hoạt động đối ngoại của CHND Trung Hoa có tác dụng tích cực. Trước đây, Trung Quốc đã cùng với các nước trong cộng đồng XHCN chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế, cũng như chính sách hợp tác giao lưu kinh tế thương mại, văn hóa với các nước trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi.. còn chính sách đối ngoại nhằm mục tiêu bành trướng, xâm hại tới lợi ích của nước khác bằng bất cứ hình thức nào, ví như hành động của Trung Quốc ở Biển Đông là mặt tiêu cực, là sự thể hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan trong quan hệ quốc tế. Chính sách này sẽ phải trả giá đắt.

"Đại phục hưng dân tộc Trung Hoa" có thể động viên tinh thần yêu nước, mặt khác có thể dẫn tới chủ nghĩa dân tộc cực

đoan. “Con đường phát triển hòa bình” là một thách thức lớn giữa chủ trương và hành động của Trung Quốc. Thế giới trông đợi Trung Quốc là nước lớn, có trách nhiệm. Đường lối đối ngoại là một tiêu chí và cũng là một thử thách đối với “Chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc”.

CHÚ THÍCH:

- (1) http://news.xinhuanet.com/ziliao/2004-12/30/content_2393996.htm
- (2) Trương Vinh Thần chủ biên: *Đọc giải các vấn đề lớn từ các buổi học tập thể của Bộ Chính trị ĐCS Trung Quốc*, Nxb Hồng Kỳ, Bắc Kinh, năm 2005, tr 319.
- (3) Mao Trạch Đông ngoại giao văn tuyển, Nxb thế giới tri thức Trung Quốc, năm 1994, tr. 600-601.
- (4) Nhân dân nhật báo, ngày 29-9-1962.
- (5) Sớ Thụ Long, Kim Uy chủ biên: “*Chiến lược và chính sách ngoại giao của Trung Quốc*”, Nxb Thời sự, Bắc Kinh, 2009, trang 96.
- (6) *Tuyển tập các văn kiện Trung ương của ĐCS Trung Quốc*, Nxb Trường Đảng Trung ương Trung Quốc, năm 1994, tr.222.
- (7) *Đông Tiến Bình văn tuyển*, quyển 3, Nxb Nhân dân Trung Quốc, năm 1994, tr.321.
- (8) Sớ Thụ Long, Kim Uy chủ biên: “*Chiến lược và chính sách ngoại giao của Trung Quốc*”, Nxb Thời Sự, 2009, trang 54.
- (9) <http://www.tjcn.org/plus/view.php?aid=17861>
- (10) Báo cáo Chính trị Đại hội 16 ĐCS Trung Quốc.
- (11) Báo cáo chính trị Đại hội 17 ĐCS Trung Quốc.
- (12) *Sách trắng Con đường phát triển hòa bình của Trung Quốc* (http://news.xinhuanet.com/politics/2011-09/06/c_121982103.htm)
- (13) http://news.xinhuanet.com/politics/2009-11/24/content_12530093_4.htm

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huy Quý (1999), *Nước CHND Trung hoa- chặng đường lịch sử nửa thế kỷ (1949-1999)*, Nxb Chính trị Quốc gia.
2. Viện Nghiên cứu Trung Quốc (2010): *Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa 60 năm xây dựng và phát triển*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Lê Văn Mỹ (2011): *Ngoại giao CHND Trung Hoa hai mươi năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
4. Susan V. Lawrence , David MacDonald/U.S.-China Relations: Policy Issues /August 2, 2012 (<http://www.fas.org/sgp/crs/row/R41108.pdf>)
5. Henry A. Kissinger :The Future of U.S.-Chinese Relations
6. Conflict Is a Choice, Not a Necessity/ Foreign Affairs/March/April 2012
7. Linda Jakobson and Dean Knox: New Foreign Policy Actors in China, SIPRI Policy Paper No. 26, 2010.
8. Zhang, Baohui (2010), Chinese Foreign Policy in Transition: Trends and Implications, in: Journal of Current Chinese Affairs, 39-68.
9. 楚树龙、金威 主编 (2008) 中国外交战略和政策。事实出版社。北京。
10. 刘涛 (2009): 中国的梦想、现实与战略: 头等强国,中国友谊出版公司。
11. 刘明福 (2010): 中国梦: 后美国时代的大国思维与战略定位, 中国友谊出版公司。
12. 赵进军 编(2010): 新中国外交 60 年, 北京大学。
13. 外交部部长杨洁篪回顾“十一五”展望“十二五” (<http://city.newssc.org/system/20120522/000343196.html>)
14. 外交转型 (news.cntv.cn/2012/lianghui/zglx/waijiao/index.shtml)
15. 外交部长杨洁篪答中外记者问 (2012) <http://www.xinhuanet.com/politics/2012h/zhibo/waizhang/wz.htm>